TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày 08-9-2022
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Văn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Xuân và ông Nguyễn Hữu Thiêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thanh Ch, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố PT, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái – vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phương B, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Tổ dân phố PT, phường NP, thành phố YB, tỉnh Yên Bái - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phạm Thanh Ch trình bày:

Chị và anh Nguyễn Phương B đăng ký kết hôn ngày 29-8-2011, tại UBND phường NP, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng tháng 8 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, anh B không tu chí làm ăn, không quan tâm và chăm lo cho cuộc sống gia đình. Mâu thuẫn đã được vợ chồng tự hòa giải và gia đình hàn gắn nhưng không có kết quả. Tháng 5 năm 2022, chị đã có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh B tại Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, sau khi được Toà án hoà giải và anh B hứa sẽ thay đổi bản thân, chị đã rút đơn khởi

kiện. Sau đó, anh B vẫn không thay đổi nên chị tiếp tục khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh B. Hiện chị và anh B đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Phương B.

Về nuôi con: Chị và anh Nguyễn Phương B có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 05-03-2012 và cháu Nguyễn Phương Tr, sinh ngày 23-12-2014. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương Tr, giao cháu Nguyễn Hải V cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21 tháng 7 năm 2022, anh Nguyễn Phương B trình bày:

Anh và chị Ch đăng ký kết hôn ngày 29-8-2011, tại UBND phường NP, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 7 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không cải thiện được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, đề nghị Toà án hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ.

Về nuôi con: Anh và chị Phạm Thanh Ch có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 05-03-2012 và cháu Nguyễn Phương Tr, sinh ngày 23-12-2014. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải V, giao cháu Nguyễn Phương Tr cho chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện không đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí: Chị Phạm Thanh Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc ly hôn, tranh chấp

về nuôi con; bị đơn anh Nguyễn Phương B có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố PT, phường NP, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Phương B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, chị Phạm Thanh Ch có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thanh Ch kết hôn với anh Nguyễn Phương B trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 29-8-2011, tại UBND phường NP, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thừa nhận vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp. Anh chị đã tự hòa giải nhiều lần và gia đình cũng đã hàn gắn nhưng không cải thiện được. Chị Ch xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị và anh B đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh B xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và đề nghị Toà án tác động, hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ để hoà giải nhiều lần nhưng anh B vắng mặt không có lý do, thể hiện anh B không có thiện chí hoà giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ch và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ch.

[3] Về nuôi con: Chị Phạm Thanh Ch và anh Nguyễn Phương B có 02 con chung là: Cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 05-03-2012 và cháu Nguyễn Phương Tr, sinh ngày 23-12-2014. Chị Ch và anh B đều có đề nghị: Chị Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phương Tr, anh B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải V. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đề nghị của chị Ch và anh B là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của các con và không trái quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] Về chia tài sản, nợ chung: Chị Ch và anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên được chấp nhận.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Phạm Thanh Ch phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia

đình; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thanh Ch được ly hôn anh Nguyễn Phương B.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Phạm Thanh Ch trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Phương Tr, sinh ngày 23-12-2014; giao cho anh Nguyễn Phương B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hải V, sinh ngày 05-03-2012 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Chị Ch, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thanh Ch phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) đồng theo biên lai số: AA/2021/0000299 ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thanh Ch, anh Nguyễn Phương B vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái ;
- VKSND TP.Yên Bái;
- THADS TP. Yên Bái;
- Các đương sự;
-UBND phường NP, TP Yên Bái;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Văn